

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC TÍNH HDI NĂM 2008 CỦA CẢ NƯỚC VÀ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

CN. Cao Văn Hoạch\*

Phát triển con người là sự phát triển mang tính nhân văn vì con người, của con người và do con người. Hàng năm Tổ chức báo cáo phát triển con người (HDRO) của UNDP định kỳ công bố báo cáo phát triển con người toàn cầu. Báo cáo mỗi năm đi sâu vào một chủ đề khác nhau, tuy vậy, tất cả các báo cáo đều phải có một số chỉ tiêu cốt lõi, trong đó quan trọng nhất là chỉ tiêu Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI).

Chỉ tiêu HDI được nhà kinh tế người Pakistan là Mahbub ul Haq xây dựng năm 1990 phản ánh phát triển con người trên góc độ của phát triển kinh tế - xã hội nhân mạnh vào các cơ hội: được sống lâu và khỏe mạnh; được học hành; có cuộc sống ấm no. Chỉ tiêu này là thước đo tổng quát về sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia và là công cụ so sánh quốc tế về thành tựu phát triển con người, tiến bộ xã hội giữa các quốc gia trên thế giới.

Theo quy định của HDRO, Chỉ số phát triển con người là chỉ số tổng hợp (bình quân giản đơn) của ba chỉ số thành phần: chỉ số Tuổi thọ, chỉ số Giáo dục và chỉ số GDP phản ánh các phương diện sức khỏe, tri thức và mức sống.

Chỉ số Tuổi thọ: Phản ánh độ dài cuộc sống và sức khỏe, đo bằng tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh.

Chỉ số Giáo dục: Phản ánh về tri thức, được đo bằng tỉ lệ người lớn biết chữ và tỉ lệ nhập học các cấp học.

Chỉ số GDP: Phản ánh về mức sống, được đo bằng GDP bình quân đầu người tính bằng sức mua tương đương theo Đô la Mỹ (PPP\_USD).

HDI có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1. HDI đạt tối đa bằng 1 thể hiện trình độ phát triển con người cao nhất; HDI tối thiểu bằng 0 thể hiện xã hội không có sự phát triển mang tính nhân văn.

Để tính HDI đối với toàn quốc và cấp tỉnh ở Việt Nam theo đúng thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện dữ liệu thực tế, Tổng cục Thống kê đã thực hiện thành công đề tài nghiên cứu khoa học "Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp tính và xây dựng quy trình tính chỉ số phát triển con người (HDI) ở Việt Nam". Để đưa kết quả nghiên cứu này vào thực tiễn, năm 2010 Tổng cục đã tổ chức tính HDI năm 2008 cho cả nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Một số kết quả chính thu được khi thực hiện tính HDI như sau:

1. Về phương pháp tính và nguồn số liệu:

Công thức tính HDI

$$HDI = \frac{I_{Tuoi\tho} + I_{Giao\duc} + I_{GDP}}{3}$$

+  $I_{Tuoi\tho}$ : Chỉ số tuổi thọ; có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1

+  $I_{Giao\duc}$ : Chỉ số Giáo dục; có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1

+  $I_{GDP}$ : Chỉ số GDP; có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1

---

\* Chủ nhiệm Nhiệm vụ khoa học tính HDI năm 2008

Chỉ số tuổi thọ được tính từ tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh do Tổng cục Thống kê tính toán cho cả nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, năm 2009 và kết quả Điều tra biến động dân số năm 2008.

Chỉ số giáo dục được tính từ tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ nhập học chung các cấp học (từ cấp tiểu học đến đại học, kể cả giáo dục không chính quy). Tỷ lệ người lớn biết chữ được tính toán trên cơ sở kết quả Điều tra biến động dân số năm 2008 và kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Tỷ lệ nhập học chung các cấp học được tính trên cơ sở số lượng học sinh nhập học do Bộ Giáo dục và đào tạo cung cấp và kết quả điều tra biến động dân số năm 2008. Ở đây số liệu cần xử lý đối với cấp tỉnh là số lượng học sinh, sinh viên đang học trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. Việc xử lý này được dựa vào tổng số học sinh, sinh viên hiện có của cả nước do Bộ Giáo dục và đào tạo cung cấp và kết quả Điều tra biến động dân số năm 2008, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Chỉ số GDP được tính từ GDP bình quân đầu người bằng Đô la Mỹ theo sức mua tương đương. Khi tính GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương của các tỉnh, thành phố, trước tiên phải điều chỉnh số liệu GDP của các tỉnh phù hợp với GDP của cả nước, tiếp theo cần xác định hệ số san bằng sức mua của Đồng Việt Nam giữa các tỉnh, thành phố. Trong tính HDI năm 2008 sử dụng chỉ số giá sinh hoạt theo không gian làm hệ số san bằng sức mua giữa các tỉnh. Do điều kiện số liệu, nên đã sử dụng chỉ số giá sinh hoạt theo không gian của 10 vùng đại diện cho tỉnh. Việc điều chỉnh GDP của các tỉnh, thành phố phù hợp với GDP cả nước là khâu phức tạp và quan trọng nhất. Thực hiện việc này, GDP được tách theo ngành kinh tế và xem xét, điều chỉnh theo từng ngành, thậm chí tiểu ngành, đặc biệt với các ngành có tính chất hạch toán toàn ngành như hàng không, đường sắt, viễn thông. Đồng thời phải cân đối với các quan hệ khác như cơ cấu ngành trong GDP, cơ cấu lao động, kim ngạch nhập khẩu, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, vv...

Hiện nay, từ Báo cáo phát triển con người năm 2010, dữ liệu tính toán của năm 2008, HDRO đã thay đổi phương pháp tính HDI. Phương pháp mới này vẫn phản ánh 3 giác độ là sức khỏe, tiếp cận kiến thức và mức sống, tuy nhiên, cách tính mỗi chỉ số thành phần khác với phương pháp cũ. Để áp dụng phương pháp mới, đặc biệt với cấp tỉnh thì nguồn số liệu thực tế của Việt Nam hiện nay chưa đáp ứng được (ví dụ, trong chỉ số giáo dục không sử dụng tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ nhập học mà sử dụng số năm đi học trung bình và số năm đi học kỳ vọng để tính). Phương pháp mới, thực tế đến nay cũng chưa có nhiều nước áp dụng được. Do đó, trong thời gian nghiên cứu để áp dụng phương pháp mới thì phương pháp cũ vẫn cần được hoàn thiện và sử dụng.

## 2. Một số kết quả tính toán đối với số liệu năm 2008:

Kết quả tính các chỉ số thành phần và HDI của năm 2008 như biểu dưới đây:

**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI NĂM 2008**  
(Kết quả triển khai Nhiệm vụ khoa học)

Tỉnh	Tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh (năm)	Tỷ lệ người lớn biết chữ (%)	Tỷ lệ đi học chung (%)	GDP bình quân đầu người (PPPUSD)	Chỉ số tuổi thọ bình quân	Chỉ số giáo dục	Chỉ số GDP	HDI
<b>Cả nước</b>	<b>72,66</b>	<b>93,60</b>	<b>61,78</b>	<b>2.840,4</b>	<b>0,79</b>	<b>0,83</b>	<b>0,56</b>	<b>0,728</b>
Hà Nội	74,78	97,13	60,96	4.342,5	0,83	0,85	0,63	0,770
Hải Phòng	74,32	96,66	56,35	3.194,9	0,82	0,83	0,58	0,744
Vĩnh Phúc	73,87	96,40	58,84	3.091,2	0,81	0,84	0,57	0,742
Bắc Ninh	73,73	96,14	65,05	2.964,6	0,81	0,86	0,57	0,745
Hải Dương	73,87	96,39	63,62	1.992,0	0,81	0,85	0,50	0,723
Hưng Yên	73,73	95,84	60,80	1.985,6	0,81	0,84	0,50	0,718
Hà Nam	72,73	95,47	67,23	1.665,9	0,80	0,86	0,47	0,709
Nam Định	73,61	95,75	63,81	1.545,1	0,81	0,85	0,46	0,706
Thái Bình	74,32	96,48	69,70	1.575,8	0,82	0,88	0,46	0,719
Ninh Bình	72,71	96,60	66,23	1.913,6	0,80	0,86	0,49	0,717
Hà Giang	65,99	73,10	57,86	801,0	0,68	0,68	0,35	0,570
Cao Bằng	68,44	83,81	77,11	1.340,7	0,72	0,82	0,43	0,658
Lào Cai	66,47	80,60	60,46	2.006,9	0,69	0,74	0,50	0,644
Bắc Cạn	71,25	91,32	66,56	1.074,6	0,77	0,83	0,40	0,666
Lạng Sơn	71,30	93,00	68,41	1.845,5	0,77	0,85	0,49	0,702
Tuyên Quang	71,25	94,45	60,71	1.461,3	0,77	0,83	0,45	0,684
Yên Bái	68,44	83,44	58,07	1.221,7	0,72	0,75	0,42	0,631
Thái Nguyên	73,14	96,34	57,15	1.896,2	0,80	0,83	0,49	0,709
Phú Thọ	71,63	95,60	59,73	1.440,2	0,78	0,84	0,45	0,686
Bắc Giang	72,18	96,24	61,95	1.295,9	0,79	0,85	0,43	0,687
Quảng Ninh	72,64	95,83	63,74	4.114,1	0,79	0,85	0,62	0,755
Lai Châu	63,38	61,59	58,65	901,7	0,64	0,61	0,37	0,538
Điện Biên	65,44	71,55	66,90	1.278,9	0,67	0,70	0,43	0,600
Sơn La	68,80	81,19	63,24	1.393,0	0,73	0,75	0,44	0,641
Hòa Bình(1)	71,25	93,67	62,34	2.124,8	0,77	0,83	0,51	0,704
Hòa Bình(2)	71,25	93,67	62,34	1.384,1	0,77	0,83	0,44	0,681
Thanh Hóa	72,28	94,78	69,50	1.559,5	0,79	0,86	0,46	0,703
Nghệ An	71,74	94,26	66,50	1.692,2	0,78	0,85	0,47	0,700
Hà Tĩnh	71,83	97,43	79,65	1.524,8	0,78	0,92	0,45	0,717
Quảng Bình	70,91	96,11	67,57	1.703,9	0,77	0,87	0,47	0,701
Quảng Trị	65,88	92,19	79,23	1.975,0	0,68	0,88	0,50	0,686

Thừa Thiên Huế	70,20	91,12	68,76	1.899,3	0,75	0,84	0,49	0,694
Đà Nẵng	74,66	97,00	62,08	3.710,0	0,83	0,85	0,60	0,761
Quảng Nam	70,89	95,60	66,17	2.061,6	0,76	0,86	0,51	0,709
Quảng Ngãi	71,21	89,53	69,11	1.663,9	0,77	0,83	0,47	0,689
Bình Định	71,74	95,36	73,57	1.940,6	0,78	0,88	0,49	0,718
Phú Yên	70,89	94,13	62,34	1.751,3	0,76	0,84	0,48	0,693
Khánh Hòa	72,46	95,53	64,26	2.942,3	0,79	0,85	0,56	0,735
Gia Lai	69,28	88,00	64,43	1.586,7	0,74	0,80	0,46	0,667
Kon Tum	65,84	83,38	68,14	1.562,9	0,68	0,78	0,46	0,641
Đắk Lắk	70,54	90,78	69,01	1.842,8	0,76	0,84	0,49	0,694
Đắk Nông	68,98	89,33	66,90	1.968,0	0,73	0,82	0,50	0,683
Lâm Đồng	73,20	92,91	69,11	2.208,8	0,80	0,85	0,52	0,723
TP. Hồ Chí Minh	75,70	97,23	53,10	4.834,1	0,85	0,83	0,65	0,772
Ninh Thuận	70,37	85,68	66,29	1.221,4	0,76	0,79	0,42	0,655
Bình Phước	71,56	93,24	63,15	1.955,4	0,78	0,83	0,50	0,701
Tây Ninh	73,42	92,43	54,48	2.810,3	0,81	0,80	0,56	0,721
Bình Dương	75,27	96,46	39,66	2.830,4	0,84	0,78	0,56	0,724
Đồng Nai	75,27	96,05	55,84	2.996,2	0,84	0,83	0,57	0,744
Bình Thuận	73,05	92,87	65,21	2.021,8	0,80	0,84	0,50	0,713
Bà Rịa-Vũng Tàu(1)	75,19	95,34	63,95	24.047,6	0,84	0,85	0,92	0,867
Bà Rịa-Vũng Tàu(2)	75,19	95,34	63,95	7.911,0	0,84	0,85	0,73	0,805
Long An	74,66	94,08	57,85	2.677,8	0,83	0,82	0,55	0,732
Đồng Tháp	72,68	89,42	53,67	2.028,3	0,79	0,78	0,50	0,691
An Giang	72,28	90,61	51,69	2.814,7	0,79	0,78	0,56	0,707
Tiền Giang	74,24	92,78	58,46	2.393,6	0,82	0,81	0,53	0,721
Vĩnh Long	74,24	95,04	61,38	2.402,7	0,82	0,84	0,53	0,730
Bến Tre	73,82	94,23	69,36	2.133,2	0,81	0,86	0,51	0,728
Kiên Giang	73,05	90,09	58,94	3.139,6	0,80	0,80	0,58	0,724
Cần Thơ	75,38	94,59	48,96	4.087,4	0,84	0,79	0,62	0,751
Hậu giang	74,24	91,78	57,28	1.795,6	0,82	0,80	0,48	0,702
Trà Vinh	72,28	86,42	53,85	1.571,1	0,79	0,76	0,46	0,668
Sóc Trăng	72,28	83,63	54,34	2.313,5	0,79	0,74	0,52	0,684
Bạc Liêu	73,42	94,96	51,75	2.506,3	0,81	0,81	0,54	0,717
Cà Mau	73,05	96,63	56,61	2.553,2	0,80	0,83	0,54	0,725

(1) Bao gồm dầu khí hoặc thủy điện; (2) không bao gồm dầu khí hoặc thủy điện

Do tỷ trọng ngành thủy điện và dầu khí chiếm trong GDP quá lớn nên riêng Hòa Bình và Bà Rịa-Vũng Tàu được tính theo 2 phương án để so sánh, phân tích khi tính có thủy điện hoặc dầu khí và khi không tính thủy điện và dầu khí.

Xếp hạng HDI (Hòa Bình có thủy điện, Vũng Tàu có dầu khí)		Xếp hạng HDI (Hòa Bình không thủy điện, Vũng Tàu không dầu khí)	
Tỉnh		Tỉnh	
Bà Rịa-Vũng Tàu	1	Bà Rịa-Vũng Tàu	1
TP. Hồ Chí Minh	2	TP. Hồ Chí Minh	2
Hà Nội	3	Hà Nội	3
Đà Nẵng	4	Đà Nẵng	4
Quảng Ninh	5	Quảng Ninh	5
Đồng Nai	6	Đồng Nai	6
Hải Phòng	7	Hải Phòng	7
Bắc Ninh	8	Bắc Ninh	8
Vĩnh Phúc	9	Vĩnh Phúc	9
Khánh Hòa	10	Khánh Hòa	10
Bình Thuận	11	Bình Thuận	11
Cần Thơ	12	Cần Thơ	12
Hải Dương	13	Hải Dương	13
Bình Dương	14	Bình Dương	14
Tây Ninh	15	Tây Ninh	15
Vĩnh Long	16	Vĩnh Long	16
Hà Nam	17	Hà Nam	17
Kiên Giang	18	Kiên Giang	18
Long An	19	Long An	19
Ninh Bình	20	Ninh Bình	20
Lâm Đồng	21	Lâm Đồng	21
Bình Phước	22	Bình Phước	22
Cà Mau	23	Cà Mau	23
Hưng Yên	24	Hưng Yên	24
Quảng Nam	25	Quảng Nam	25
Bình Định	26	Bình Định	26
Thái Bình	27	Thái Bình	27
Tiền Giang	28	Tiền Giang	28
Bến Tre	29	Bến Tre	29
Hà Tĩnh	30	Hà Tĩnh	30
Nam Định	31	Nam Định	31
Bạc Liêu	32	Bạc Liêu	32
An Giang	33	An Giang	33
Thái Nguyên	34	Thái Nguyên	34
Thừa Thiên Huế	35	Thừa Thiên Huế	35
Nghệ An	36	Nghệ An	36
Hòa Bình	37	Thanh Hóa	37
Thanh Hóa	38	Quảng Bình	38
Quảng Bình	39	Phú Thọ	39
Phú Thọ	40	Quảng Ngãi	40
Quảng Ngãi	41	Đồng Tháp	41
Đồng Tháp	42	Quảng Trị	42

Quảng Trị	43	Đắk Lắk	43
Đắk Lắk	44	Hậu giang	44
Hậu giang	45	Lạng Sơn	45
Lạng Sơn	46	Phú Yên	46
Phú Yên	47	Đắk Nông	47
Đắk Nông	48	Ninh Thuận	48
Ninh Thuận	49	Sóc Trăng	49
Sóc Trăng	50	Bắc Giang	50
Bắc Giang	51	Tuyên Quang	51
Tuyên Quang	52	Hòa Bình	52
Trà Vinh	53	Trà Vinh	53
Lào Cai	54	Lào Cai	54
Bắc Cạn	55	Bắc Cạn	55
Gia Lai	56	Gia Lai	56
Cao Bằng	57	Cao Bằng	57
Kon Tum	58	Kon Tum	58
Sơn La	59	Sơn La	59
Yên Bái	60	Yên Bái	60
Điện Biên	61	Điện Biên	61
Lai Châu	62	Lai Châu	62
Hà Giang	63	Hà Giang	63

### HDI năm 2008 của các tỉnh, thành phố xếp theo nhóm (Theo thứ tự giảm dần)

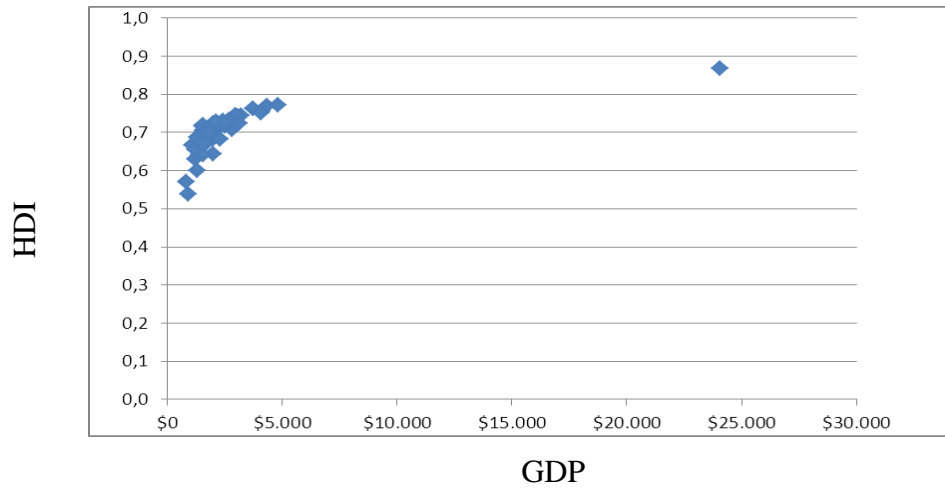
<b>Cả nước</b>		<b>0,727615</b>
Trên 0,8	Bà Rịa-Vũng Tàu	0,866759
Từ 0,75 đến dưới 0,8	TP. Hồ Chí Minh	0,772498
	Hà Nội	0,769904
	Đà Nẵng	0,761489
	Quảng Ninh	0,755218
	Cần Thơ	0,750913
Từ 0,7 đến dưới 0,75	Bắc Ninh	0,745205
	Hải Phòng	0,744144
	Đồng Nai	0,743913
	Vĩnh Phúc	0,741983
	Khánh Hòa	0,735487
	Long An	0,732164
	Vĩnh Long	0,729852
	Bến Tre	0,727951
	Cà Mau	0,724841
	Kiên Giang	0,724379
	Bình Dương	0,723681

Lâm Đồng	0,72322
Hải Dương	0,722837
Tiền Giang	0,721361
Tây Ninh	0,720557
Thái Bình	0,719263
Bình Định	0,718309
Hưng Yên	0,717517
Ninh Bình	0,717493
Bạc Liêu	0,716764
Hà Tĩnh	0,716749
Bình Thuận	0,713046
Quảng Nam	0,709256
Thái Nguyên	0,708711
Hà Nam	0,708507
An Giang	0,707145
Nam Định	0,706025
Hòa Bình	0,704424
Thanh Hóa	0,70334
Lạng Sơn	0,702119
Hậu giang	0,701851
Quảng Bình	0,701471
Bình Phước	0,701416
Nghệ An	0,700393
Thừa Thiên Huế	0,693815
Đắk Lắk	0,693522
Phú Yên	0,692655
Đồng Tháp	0,690671
Quảng Ngãi	0,688892
Bắc Giang	0,687302
Phú Thọ	0,686288
Quảng Trị	0,68596
Sóc Trăng	0,683659
Tuyên Quang	0,683523
Đắk Nông	0,682953
Trà Vinh	0,667796
Gia Lai	0,666956
Bắc Cạn	0,665961
Cao Bằng	0,657686
Ninh Thuận	0,65536

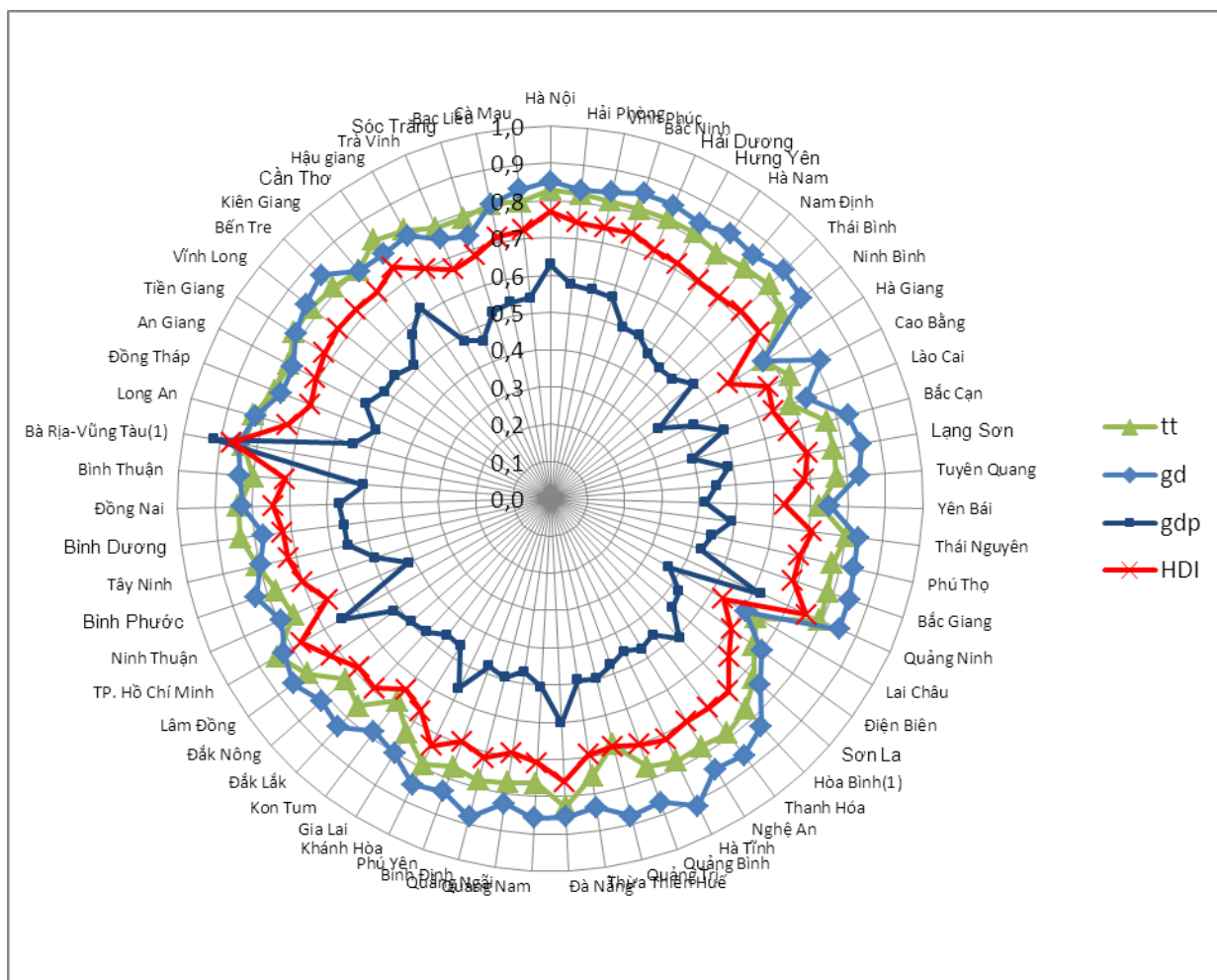
Từ 0,6 đến dưới 0,7

	Lào Cai	0,643533
	Kon Tum	0,640809
	Sơn La	0,640546
	Yên Bái	0,630544
Từ 0,5 đến dưới 0,6	Điện Biên	0,599789
	Hà Giang	0,570241
	Lai Châu	0,537614

Phân bố giá trị HDI của các tỉnh, thành phố







Theo phân tổ của Liên hợp quốc, những nước có HDI từ 1,0 đến 0,9 là những nước có mức độ phát triển con người cực cao; từ dưới 0,9 đến 0,8 là những nước có mức độ phát triển con người cao; từ dưới 0,8 đến 0,5 là những nước có mức độ phát triển con người trung bình; và dưới 0,5 là những nước có mức độ phát triển con người thấp. Năm 2007, HDI của Việt Nam là 0,725 thuộc nhóm nước trung bình. (Năm 2008 giá trị của chỉ số này nhỏ hơn vì tính theo phương pháp mới).

Theo kết quả tính toán trên đây, HDI của các tỉnh đều trên 5,0, cụ thể: chỉ có 1 tỉnh (Bà Rịa – Vũng Tàu) trên 0,8; 5 tỉnh có HDI trong khoảng từ 0,75 đến dưới 0,8; trên 50% số tỉnh (34 tỉnh) có HDI trong khoảng từ 0,7 đến dưới 0,75; 20 tỉnh có HDI trong khoảng từ 0,6 đến dưới 0,7; và chỉ có 3 tỉnh có HDI nằm trong khoảng từ 0,5 đến dưới 0,6. Như vậy, hầu hết các tỉnh có giá trị của chỉ số này trong khoảng từ 0,6 đến 0,8.

3. Do một số căn cứ sử dụng để hiệu chỉnh số liệu của các tỉnh, thành phố cho phù hợp với số liệu cả nước còn chưa vững chắc, làm cho kết quả tính toán chưa đảm bảo độ tin cậy, do vậy những số liệu đưa ra trên đây chỉ mang tính tham khảo. Để sớm công bố chính thức số liệu HDI của cả nước, đặc biệt đối với cấp tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện về phương pháp tính và nguồn số liệu của một số chỉ tiêu liên quan.

Trên đây là tóm lược một số kết quả chính của Nhiệm vụ khoa học tính HDI năm 2008 của cả nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.